

ĐẶC ĐIỂM VÀ XU THẾ MỚI TRONG CHUYỂN ĐỔI KINH TẾ SAU KHI TRUNG QUỐC GIA NHẬP WTO

DƯƠNG KIẾN VĂN

*Viện Nghiên cứu Kinh tế
Viện Khoa học xã hội Thượng Hải*

Ngày 11-12-2001, sau 15 năm đàm phán, Trung Quốc đã chính thức gia nhập WTO. Sau 5 năm gia nhập WTO, tức là từ cuối năm 2001 đến cuối năm 2006, kim ngạch ngoại thương Trung Quốc từ 500 tỷ USD tăng lên tới 1700 tỷ USD, dự trữ ngoại tệ từ 200 tỉ USD tăng lên 1000 tỷ USD, lượng vốn đầu tư nước ngoài tận dụng thực tế từ 47 tỷ USD tăng lên tới 69,4 tỷ USD, GDP từ 10.000 tỷ NDT tăng lên tới 20.000 tỷ NDT, tốc độ tăng trưởng hàng năm trên 9%, tổng lượng kinh tế trong nền kinh tế thế giới đã vượt qua Anh, đứng ở vị trí thứ 4, năm nay có thể vượt Đức lên vị trí số 3.

Là một nước đang phát triển lớn với dân số đông, cơ sở nghèo nàn, khởi điểm muộn, có thể đạt được sự phát triển nhanh chóng như vậy trong một thời gian không dài quả không phải dễ. Có rất nhiều nguyên nhân, một điểm quan trọng là Trung Quốc đã tận dụng một

cách có hiệu quả những kế ước ngầm của WTO, mở cửa toàn diện thúc đẩy chuyển đổi thể chế kinh tế, lấy chiến lược quốc tế hoá dẫn dắt tiến trình hiện đại hoá.

I. “KINH NGHIỆM CỦA TRUNG QUỐC” TRƯỚC KHI GIA NHẬP WTO

Công cuộc cải cách mở cửa ở Trung Quốc bắt đầu từ năm 1978, ý tưởng và mô hình phát triển lúc đầu có thể khái quát thành 3 câu: một là lấy xây dựng kinh tế làm trung tâm, không tranh luận, mạnh dạn thử nghiệm (tức là cái gọi là “mèo trắng mèo đen, có thể bắt được chuột đều là mèo tốt”); hai là cải cách thị trường hoá theo phương thức tiệm tiến, định hướng đúng, từng bước thúc đẩy (đó là “dò đá qua sông”); ba là thông qua phát triển mất cân bằng, đột phá trọng điểm, lôi kéo toàn diện (tức là “một số khu vực” phát triển trước, “một số người” giàu lên trước).

Phương châm “lấy xây dựng kinh tế làm trọng tâm”, được đưa ra tại Hội nghị Toàn thể Trung ương III Đảng Cộng sản (ĐCS) Trung Quốc khoá XI khi mới bắt đầu cải cách mở cửa. Trong hơn 20 năm sau đó, dù có nhiều ý kiến khác nhau, nhưng phương châm này được quán triệt kiên quyết. Ở đây cần phải nhắc nhở một điều là: “lấy xây dựng kinh tế làm trọng tâm” là chuẩn mực hành vi, mà chủ thể hành vi là ĐCS Trung Quốc và cơ quan cầm quyền của nó là chính phủ Trung Quốc. Điều này có nghĩa là, khi ĐCS Trung Quốc sửa sai “Đại Cách mạng văn hoá” và điều chỉnh phương hướng tiến lên, trên thực tế vẫn áp dụng mô hình phát triển lấy chính phủ làm nòng cốt.

Các nước đang phát triển trong thời kỳ đầu phát triển kinh tế, do nguồn lực kinh tế rất có hạn, lại mong muốn có thể vượt lên phía trước, thực hiện phát triển mang tính nhảy vọt, vì vậy, phần lớn lựa chọn mô hình phát triển lấy chính phủ làm nòng cốt. Thông qua “Cơ chế mạnh đối với kinh tế” hoặc trực tiếp tập trung nguồn tài nguyên có hạn đầu tư vào lĩnh vực then chốt (giống chính phủ Trung Quốc đặt nền móng công nghiệp hoá vào những năm 50 của thế kỷ XX), hoặc lợi dụng thị trường thông qua nguồn tài nguyên ưu thế để đổi lấy nguồn tài nguyên hiếm (giống việc lợi dụng yếu tố lao động và ruộng đất giá rẻ để thu hút các yếu tố vốn và kỹ thuật mà Trung Quốc thực hiện trong những năm 80-90 của thế kỷ XX), tiếp đó thúc đẩy tiến trình công nghiệp hoá và hiện đại hoá. Dù áp dụng phương thức phát triển

nào trên đây, chính phủ cũng đều phát huy vai trò mang tính chỉ đạo và quyết định trong quá trình phát triển. Vì vậy, các quyết sách kinh tế và chính sách kinh tế có chính xác hay không, hành vi kinh tế và biện pháp kinh tế của chính phủ có hiệu quả hay không, sẽ có ảnh hưởng trực tiếp không thể thay thế đối với tiến trình kinh tế thực tế.

Mặc dù trong hơn 20 năm cải cách mở cửa, chính phủ Trung Quốc có thể kiên trì “Phát triển là đạo lý bất biến”, kiên trì đường lối cơ bản cải cách mở cửa, kiên trì con đường kinh tế thị trường xã hội chủ nghĩa, hơn nữa thu được thành tựu phát triển khiến cả thế giới kinh ngạc, nhưng cũng đứng trước hàng loạt thách thức và vấn đề mới. Những vấn đề nổi cộm nhất là: *Thứ nhất*, tính ràng buộc trong phát triển kinh tế của Trung Quốc ngày càng tăng lên. Một số mâu thuẫn và vấn đề trước kia không phải là vấn đề hóc búa (như khả năng chịu tải các nguồn tài nguyên năng lượng, khả năng chịu tải đối với môi trường sinh thái, khả năng chịu tải dung lượng thị trường...) bắt đầu gay gắt, vì vậy, phải thu hút ngày càng nhiều nguồn tiền, tài nguyên kỹ thuật và tài nguyên thị trường, mong muốn có thể huy động và phân bổ các nguồn tài nguyên kinh tế trong phạm vi rộng hơn, để duy trì sự tăng trưởng kinh tế với tốc độ cao và xã hội phát triển bền vững. *Thứ hai*, tính nhịp nhàng trong phát triển của nền kinh tế Trung Quốc đang yếu dần. Mặc dù cơ chế vận hành thị trường hoá và chiến lược phát triển mất cân bằng đã phát huy tác dụng kích

thích và đạt hiệu quả phát triển lớn, nhưng theo đó lại xuất hiện "hiệu ứng Matthew", xuất hiện xu thế chênh lệch trong phát triển giữa thành thị và nông thôn, giữa các khu vực và giữa các tầng lớp xã hội mở rộng, vì vậy, phải điều chỉnh kết cấu lợi ích và kết cấu quyền lực, nhằm thực hiện nền kinh tế phát triển nhịp nhàng và xã hội hài hoà. *Thứ ba*, tính hạn chế của mô hình phát triển Trung Quốc đang bộc lộ rõ. Mặc dù mô hình phát triển lấy chính phủ làm chỉ đạo có thể giảm giá thành quản lý, giảm giá thành va chạm và giá thành thời gian, nhưng giá thành rủi ro rất cao, bao gồm rủi ro quyết sách, rủi ro đạo đức và rủi ro xã hội. Những hiện tượng tham ô tham nhũng, vi phạm kỉ luật, pháp luật và tâm lí làm trái pháp luật của dân chúng xuất hiện trên phạm vi tương đối rộng ở Trung Quốc trong những năm gần đây có nguyên nhân chế độ sâu xa. Vì vậy, đòi hỏi cấp bách phải cải cách thể chế quản lý hành chính, đồng thời với việc xây dựng văn minh kinh tế và văn minh tinh thần hiện đại, xây dựng văn minh chính trị và văn minh xã hội hiện đại.

Gia nhập WTO có nghĩa là nền kinh tế Trung Quốc từng bước mở cửa toàn diện, sự thay đổi của điều kiện bên ngoài và yêu cầu phát triển bên trong làm xuất hiện sự kết hợp mới trong điều kiện lịch sử mới. Sự kết hợp giữa thay đổi của điều kiện bên ngoài và yêu cầu phát triển bên trong, dựa trên nguyên lí sắp xếp tổ hợp, ít nhất có thể xuất hiện ba dạng kết quả. Đối với chúng ta mà nói, đương nhiên là mong muốn có thể thúc

đẩy cải cách thông qua mở cửa, quốc tế hoá dần dần hiện đại hoá, hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường hiện đại trên phạm vi quốc tế, tăng cường sức mạnh tổng hợp và năng lực cạnh tranh của Trung Quốc trong cạnh tranh quốc tế.

II. LÀM THẾ NÀO ĐỂ NẮM CHẮC "THỜI CƠ CHIẾN LƯỢC" SAU KHI GIA NHẬP WTO

Cách mạng khoa học kỹ thuật những năm 80 thế kỷ XX đã đặt nền móng kỹ thuật cho toàn cầu hoá, việc phá vỡ cục diện Chiến tranh lạnh trong những năm 90 đã đặt nền móng chế độ cho toàn cầu hoá. Gia nhập WTO có nghĩa là hoà nhập vào quỹ đạo toàn cầu hoá kinh tế, là làm việc phải tuân theo những chuẩn mực quốc tế và thông lệ quốc tế, nghĩa là phải đẩy nhanh chuyển đổi kinh tế và xây dựng chế độ.

1. Môi trường chế độ thay đổi

Sau khi gia nhập WTO, theo cam kết của chính phủ, Trung Quốc phải tiếp thu quy tắc của WTO và các tiêu chuẩn quốc tế tương ứng. Vì hiện nay các nước phát triển giữ vị trí chủ đạo trong nền chính trị quốc tế và vũ đài kinh tế thế giới, nên sau khi gia nhập WTO, các nước đang phát triển bao gồm cả Trung Quốc đứng trước thách thức rất nghiêm trọng.

Trước hết, phải sửa đổi và hoàn thiện tương ứng sự sắp xếp chế độ trong nước trước đây cho phù hợp với quy định và yêu cầu của WTO. *Thứ hai*, chính phủ, doanh nghiệp và dân chúng phải nhận thức, thích nghi và tiếp thu những quy tắc mới này, thậm chí phải thay đổi quan niệm, hành vi và thói quen của

minh. Thứ ba, dù là chuyển đổi kinh tế hay điều chỉnh chính sách, những phương diện đề cập đến rất rộng, lĩnh vực ảnh hưởng rất đa dạng, nhưng đều đòi hỏi phải hoàn thành trong thời gian quy định.

Năm năm trở lại đây, để thích ứng với sự thay đổi môi trường chế độ sau khi gia nhập WTO, Trung Quốc đã đẩy nhanh bước cải cách thể chế và đổi mới chế độ. Mặc dù sức ép về đổi mới chế độ lúc đầu là từ việc thực hiện cam kết gia nhập WTO và chi phí học hỏi kinh nghiệm của các nước phát triển có hạn, nhưng do sự phát triển của chính Trung Quốc cũng đòi hỏi cải cách bên trong, sức ép và động lực kết hợp với nhau, từ đó làm cho đổi mới chế độ thuận lợi hơn, đạt được thành quả rõ rệt.

2. Sự thay đổi trong quan niệm phát triển

Năm năm trở lại đây, Trung Quốc đã đưa ra quan niệm phát triển mới "lấy con người làm gốc", trên cơ sở đó nêu lên đường lối phát triển mới "chuyển biến quan niệm phát triển, đổi mới mô hình phát triển, nâng cao chất lượng phát triển, thiết thực đưa phát triển kinh tế xã hội vào quỹ đạo phát triển bền vững toàn diện", đưa ra ý tưởng mới về chiến lược xây dựng "xã hội hài hoà xã hội chủ nghĩa". Những điều này không chỉ phù hợp với trào lưu lịch sử phát triển xã hội quốc tế ngày nay, mà còn phù hợp với nhu cầu bên trong rất mong muốn phát triển của Trung Quốc.

Sự thay đổi của quan niệm phát triển dẫn tới sự thay đổi tương ứng của đường

lối phát triển, lúc đầu Trung Quốc chú trọng tới thay đổi phát triển quảng canh trong thời kỳ đầu công nghiệp hoá dựa vào đầu tư, dựa vào nguồn tài nguyên và xuất khẩu, nhấn mạnh đổi mới khoa học kỹ thuật, nhằm nắm vững kỹ thuật hạt nhân và quyền sở hữu tri thức tự chủ, tranh thủ chuyển sang mô hình tăng trưởng theo hình thức nội sinh, hình thức nguồn tài nguyên bên trong và hình thức nhịp nhàng lấy đổi mới kỹ thuật, nâng cao hiệu quả sản xuất và đẩy mạnh nhu cầu trong nước làm nòng cốt, cuối cùng có thể điều hoà tốc độ, chất lượng và hiệu quả, điều hoà tiêu thụ, đầu tư, xuất khẩu, điều hoà dân số, nguồn tài nguyên và môi trường.

3. Tích cực cạnh tranh ứng phó

Sau khi tham gia vào tiến trình toàn cầu hoá kinh tế, không thể tránh khỏi cạnh tranh quốc tế gay gắt. Dù là cạnh tranh hay hợp tác, đều đòi hỏi phải có một quy tắc, quy tắc của WTO là "cạnh tranh công bằng". "Cạnh tranh công bằng" giữa các nước đang phát triển và các nước phát triển vừa công bằng vừa không công bằng, vì các nước phát triển không chỉ có thực lực kinh tế hùng mạnh, kinh nghiệm quốc tế phong phú, mà còn có quyền chủ động chế định quy tắc và quyền phát biểu. Vì vậy, đối với Trung Quốc mà nói, chiến lược ứng phó trong tham gia cạnh tranh quốc tế, *một là* làm thế nào nhanh chóng hiểu được quy tắc cạnh tranh quốc tế, nắm chắc bí quyết cạnh tranh quốc tế; *hai là* làm thế nào phát huy lợi thế so sánh và lợi thế tiếp thu kỹ thuật, công nghệ tiên tiến; *ba là* thúc đẩy doanh nghiệp trong nước

nhanh chóng thích ứng với chế độ kế toán hiện đại, chế độ thu thuế, chính sách kinh tế và chế độ pháp luật hiện đại, nâng cao năng lực cạnh tranh của mình thông qua nâng cao trình độ quản lý và đổi mới năng lực; *bốn là* không sợ sự va chạm thương mại hiện nay, dũng cảm đối phó, giải trong việc bảo hộ quyền lợi hợp pháp của mình.

4. Cố gắng nắm quyền chủ động

Do quy tắc quốc tế và tiêu chuẩn quốc gia về yêu cầu chủ động thích ứng hoặc bị động tiếp thu có rất nhiều chủng loại, lĩnh vực phong phú, quá trình điều chỉnh lợi ích giữa các chủ thể hành vi rất phức tạp, nhiệm vụ chuyển đổi kinh tế và chế độ rất phức tạp và nặng nề, sự va chạm và xung đột là không thể tránh khỏi. Sau khi gia nhập WTO, nền kinh tế Trung Quốc cảm nhận được sâu sắc mối đe dọa của tính không xác định và không thể khống chế đang tăng cường. Các loại hàng rào thương mại, bao gồm hàng rào kỹ thuật, hàng rào xanh, hàng rào trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp... xuất hiện dồn dập, sự dao động kinh tế thế giới theo chu kỳ, sự lên xuống của giá cả trên thị trường quốc tế, khủng hoảng thừa lưu động trên toàn cầu đều có thể ảnh hưởng trực tiếp tới Trung Quốc. Trong môi trường thị trường quốc tế rất phức tạp, muốn nắm vững quyền chủ động phát triển là một chuyện rất khó, phải có dũng khí và trí tuệ.

III. TÌM TÒI VÀ THỰC TIỄN CỦA TRUNG QUỐC 5 NĂM QUA

Cam kết gia nhập WTO là cam kết của Chính phủ. Vì vậy, về ý nghĩa nào

đó, trước hết là “chính phủ gia nhập WTO”. Nói cụ thể đó là đẩy nhanh bước tiến xây dựng thể chế kinh tế thị trường hiện đại, thúc đẩy chuyển đổi nền kinh tế và đổi mới chế độ.

1. Sự hoà nhập pháp chế pháp quy

Sau khi gia nhập WTO, dựa trên tình hình khác nhau, Chính phủ Trung Quốc áp dụng các phương thức khác nhau, điều chỉnh nhanh chóng và toàn diện pháp quy pháp luật có liên quan. *Một là* “lập pháp”, phải đối chiếu với các quy tắc hiệp định của WTO, Trung Quốc phải sửa đổi ngay các pháp quy pháp luật không phù hợp; *hai là* “sửa đổi”, tiến hành sửa đổi những pháp quy pháp luật xung đột không lớn với quy tắc của WTO; *ba là* “huỷ bỏ”, huỷ bỏ tất cả các pháp quy pháp luật đi ngược lại hoặc trái với quy tắc của WTO. Năm năm qua, Chính phủ Trung Quốc nghiêm túc thực hiện cam kết gia nhập WTO, ban hành, sửa đổi và loại bỏ gần 3000 văn bản pháp quy pháp luật Trung ương cấp 1 và điều lệ ban ngành (gồm hơn 20 bộ luật liên quan đã chế định hoặc sửa đổi), đồng thời điều chỉnh khoảng 200 nghìn văn bản pháp quy, điều lệ và văn kiện chính sách mang tính địa phương.

Trong đó, chủ yếu nhất tập trung trên 3 phương diện:

1.1. Hạn chế đầu tư nước ngoài.
 “Luật doanh nghiệp chung vốn Trung Quốc với nước ngoài”, “Luật doanh nghiệp hợp tác Trung Quốc với nước ngoài”, “Luật doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài” và chi tiết thực hiện tương ứng, đều có quy định và yêu cầu về thành tích xuất khẩu thực tế, cân

bằng ngoại tệ, hàm lượng địa phương... đối với doanh nghiệp đầu tư nước ngoài, điều này không phù hợp với quy định “Hiệp định các biện pháp đầu tư có liên quan tới thương mại” của WTO. Qua sửa đổi, ba biện pháp hạn chế đầu tư này đã bị dỡ bỏ.

1.2. Về thẩm tra xử lý các vụ án quyền sở hữu trí tuệ. Trước năm 2003 Trung Quốc đã sửa đổi “Luật nhãn hiệu hàng hoá”, “Luật bản quyền sáng chế”, “Luật quyền tác giả”... và các chi tiết thực hiện của nó, quy định tất cả các vụ án có liên quan tới quyền sở hữu trí tuệ đều có thể khởi kiện lên toà án, huỷ bỏ quyền quyết định cuối cùng của cơ quan hành chính đã chế định trước kia. Sau năm 2003, đã chế định “Điều lệ quản lý tập thể quyền tác giả”, quy định cụ thể về chức trách quản lý giám sát của cơ quan hành chính, quyền lợi hợp pháp của người có quyền và các biện pháp và cách thức bảo hộ quyền..., xây dựng các chế độ vận hành tổ chức quản lý tập thể quy phạm, xác định rõ quyền hạn giám sát của người sử dụng và tổ chức xã hội khác đối với các tổ chức quản lý tập thể.

1.3. Quy phạm trật tự thị trường và hành vi thị trường. Bao gồm việc ban hành “Điều lệ chống bán phá giá”, “Điều lệ chống trợ giá”, “Điều lệ các biện pháp bảo trợ”, “Điều lệ quản lý cơ quan tiền tệ có vốn nước ngoài”, đã sửa đổi “Điều lệ quản lý xuất nhập khẩu kỹ thuật” và ban hành “Quyết định về chỉnh đốn và quy phạm trật tự kinh tế thị trường”... Ngày 30-8-2007 lại thông qua “Luật chống độc quyền” (ngày 1-8-2008 chính thức thi hành) được coi là

“Hiến pháp kinh tế”, nhằm điều tiết hơn nữa trật tự cạnh tranh và hạn chế hơn nữa hành vi cạnh tranh trên thị trường, bảo đảm môi trường thị trường công bằng. Sự ra đời của “Luật chống độc quyền” đánh dấu việc xây dựng hệ thống pháp luật thể chế kinh tế thị trường xã hội chủ nghĩa đã bước đầu hoàn thiện.

2. Sự thay đổi trong hành vi chính phủ

Sau khi gia nhập WTO, từ trang web Chính phủ, người phát ngôn tin tức đến trung tâm dịch vụ hành chính, hành vi cầm quyền của Chính phủ Trung Quốc đều có sự thay đổi rõ rệt.

2.1. Minh bạch trong lập pháp

Sau khi gia nhập WTO, dựa trên chế độ thương mại có liên quan, Trung Quốc đã cam kết với bên ngoài thực hiện thống nhất và tăng cường minh bạch, điều chỉnh cơ chế chế độ thực hiện thống nhất, mức độ minh bạch. Ví dụ, dựa trên quy định của “Luật lập pháp”, đã chế định “Điều lệ trình tự chế định pháp quy hành chính” và “Điều lệ trình tự chế độ quy tắc”, quy phạm hơn nữa hoạt động chế định các pháp quy và điều lệ hành chính, bảo đảm chính xác tính công khai và minh bạch trong cộng tác lập pháp. Các ban ngành chính quyền trung ương và địa phương đã xây dựng các văn kiện pháp quy, điều lệ, quy phạm lập sở sơ cơ chế kiểm tra giám sát, về mặt chế độ, đã bảo đảm được việc thực hiện thống nhất chế độ pháp luật có liên quan trên phạm vi toàn quốc. Các pháp luật pháp quy như: “Luật lập pháp”, “Điều lệ trình tự chế định pháp quy hành chính” mới

chế định khiến công tác lập pháp được chế độ hoá, quy phạm hoá hơn. Một ví dụ nữa, “Luật cho phép hành chính” mới chế định năm 2003, đưa ra yêu cầu nghiêm khắc và cụ thể hơn về mức độ minh bạch trong hành vi của chính phủ. Quốc vụ viện và chính quyền các cấp đã huỷ bỏ hàng trăm nghìn hạng mục phê duyệt hành chính, dỡ bỏ lượng lớn văn kiện nội bộ. Mọi thứ đều phải công khai, nâng cao độ minh bạch của pháp luật, pháp quy và chính sách ở mức độ lớn nhất.

2.2. Minh bạch trong quản lý nhà nước

Năm năm nay, đã có trên 86% ban ngành chính phủ trung ương và chính quyền địa phương khai thông trang web công khai. Ngày 1-1-2006, “trang web Chính phủ Trung Quốc” cũng chính thức đi vào hoạt động. Trang web công khai không chỉ có lợi cho truyền phát tin tức, tăng cường sự liên hệ và hiểu biết giữa chính phủ với nhân dân, mà còn có lợi cho sự tham gia của xã hội, tăng cường sự ủng hộ và giám sát của dân chúng đối với công tác chính phủ, thúc đẩy xây dựng chính phủ theo hình thức phục vụ với hiệu quả cao, cụ thể thiết thực, liêm khiết, thúc đẩy khoa học hoá và dân chủ hoá quyết sách của chính phủ.

Với tư cách là nơi công khai công việc quản lý nhà nước, đến cuối năm 2005, Trung Quốc đã xây dựng được 13919 “Trung tâm dịch vụ hành chính”. Từ năm 2006 đến nay, 10 ban ngành và đơn vị của Quốc vụ viện đã thành lập “Trung tâm phục vụ hành chính”, ngoài ra còn 5 ban

ngành đang thành lập, trong năm nay sẽ chính thức vận hành. Từ ngày 30-6 năm nay, “Trung tâm dịch vụ các công việc hành chính” của Bộ Thương mại chính thức hoạt động đến nay, chỉ chưa đầy 3 tháng đã thụ lý và kết thúc 7924 giấy chi phép hành chính, bình quân mỗi ngày thụ lý 380 giấy phép.

3. Sự thay đổi trong cơ cấu quản lý

Cải cách thể chế quản lý hành chính là yêu cầu tất yếu và lựa chọn chủ động trong việc đi sâu cải cách thể chế kinh tế của Trung Quốc, gia nhập WTO đã đẩy nhanh tiến trình này. Cải cách cơ cấu chính phủ, xoay quanh việc xây dựng và hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường, vì vậy cũng thể hiện được tinh thần của WTO.

3.1. Tổ chức và thành lập Bộ Thương mại

Hội nghị lần thứ nhất Đại hội Đại biểu nhân dân toàn quốc khoá X năm 2003 đã thông qua dự thảo cải cách cơ cấu Quốc vụ viện lần thứ nhất, điều chỉnh Ủy ban Kế hoạch nhà nước, Ủy ban Kinh tế thương mại nhà nước và chức năng của Bộ Kinh tế thương mại đối ngoại trước đây, tổ chức và thành lập Bộ Thương mại. Lúc đó, thương mại trong nước và thương mại đối ngoại của Trung Quốc và công tác chống bán phá giá, chống trợ giá, lần lượt do Ủy ban Kinh tế thương mại nhà nước và Ủy ban Kinh tế thương mại đối ngoại quản lý; công tác xuất nhập khẩu sản phẩm lần lượt do Ủy ban Kế hoạch nhà nước và Ủy ban Kinh tế thương mại nhà nước và Bộ Kinh tế thương mại đối ngoại phụ trách. Thể chế quản lý phân chia thương mại

trong và ngoài nước, phân chia thị trường trong và ngoài nước, phân chia hạn ngạch xuất nhập khẩu như vậy không thể thích ứng với yêu cầu của tình hình mới gia nhập WTO, không thể thích ứng với yêu cầu xây dựng và kiện toàn hệ thống thị trường hiện đại, cạnh tranh và có trật tự.

3.2. “Luật cho phép hành chính”

“Luật cho phép hành chính” chính thức thực hiện từ ngày 1- 7-2004, đóng góp lớn nhất là đã sắp xếp đúng vị trí của chính phủ, phân chia chức năng của chính phủ, giới hạn chức năng của chính phủ trong phạm vi pháp định. Sự ra đời và thực hiện “Luật cho phép hành chính” đã thể hiện quyết tâm của Trung Quốc tích cực thực hiện cam kết gia nhập WTO, xây dựng chính phủ pháp trị phù hợp với yêu cầu thể chế kinh tế thị trường. Trong khuôn khổ WTO, cho phép hành chính với tư cách là một loại hàng rào phi thuế quan tương đối điển hình của chính phủ các nước thành viên nhằm hạn chế hàng hoá và dịch vụ của các nước khác vào thị trường nước mình nhằm bảo hộ ngành trong nước, không chỉ là nội dung quan trọng của hiệp định WTO, mà còn là bộ phận cấu thành quan trọng trong nội dung văn kiện pháp luật gia nhập WTO có liên quan của Trung Quốc.

Xét trong phạm vi áp dụng thích hợp, quy tắc cho phép hành chính đã bao hàm phần lớn các lĩnh vực về thương mại hàng hoá và thương mại dịch vụ trong hiệp định WTO, đồng thời khúc xạ sang lĩnh vực quyền sở hữu trí tuệ có liên

quan tới thương mại; xét về chủ thể hành chính thích hợp mà nói, gồm các cơ quan hành chính các cấp từ trung ương đến địa phương như: hải quan, y tế, kiểm dịch, kiểm tra hàng hoá, chứng khoán, giá cả, tiền tệ... Xét về bản thân chế độ mà nói, đề cập tới các khâu cho phép hành chính như: chủ thể thành lập, nguyên tắc cơ bản của lập pháp cho phép hành chính, trình tự thực hiện và thẩm tra tư pháp đối với cho phép hành chính vi phạm pháp luật.

3.3. Năng lực điều tiết vĩ mô

Cải cách thể chế quản lý hành chính không ngừng được đẩy nhanh, tạo ra sự chuyển biến tích cực trong phương thức hành vi của chính phủ, điểm này được thể hiện rõ hơn trong điều tiết vĩ mô. Sau khi gia nhập WTO, để đón nhận thách thức, quyền lực điều tiết vĩ mô từng bước tập trung ở chính phủ trung ương. Trung ương phải tăng cường quyền điều tiết vĩ mô về tài chính. Theo cam kết gia nhập WTO, Trung Quốc phải giảm dần thuế quan theo từng năm, điều chỉnh chế độ thuế quan trong nước, dỡ bỏ trợ giá tài chính và mở rộng sức mua của chính phủ... Thực hiện những cam kết này đòi hỏi Trung Quốc tăng cường quyền điều tiết vĩ mô tài chính.

Sau khi gia nhập WTO, bối cảnh điều tiết vĩ mô của Trung Quốc đã có nhiều thay đổi, tầm nhìn và cách thức điều tiết vĩ mô có sự thay đổi. Điều tiết trước khi gia nhập WTO phần lớn tập trung vào trong nước, hiện nay phải mở rộng tầm nhìn hơn nữa, thấy được nhiều nhân tố thay đổi trong và ngoài nước. Do tiến

trình quốc tế hoá được đẩy nhanh, nhân tố nước ngoài đang có ảnh hưởng ngày càng lớn đối với Trung Quốc. Ví dụ về phương diện tài chính, trước đây trong nước thực hiện điều tiết tiền tệ, bảo đảm duy trì sự ổn định của lãi suất và tỉ giá hối đoái, chỉ cần tính đến đầu tư và tiêu dùng trong nước là được, nhưng hiện nay do chênh lệch về lãi suất, lượng tiền lưu thông nhanh, có thể lưu thông giữa các quốc gia khác nhau theo sự biến động của lãi suất và tỉ giá hối đoái, vì vậy, phải tính đến sự thay đổi tỉ lệ lãi suất của các nền kinh tế lớn trên thế giới như Mỹ, EU và Nhật Bản. Một ví dụ nữa về điều tiết năng suất sản phẩm, do trong mấy năm gần đây ngoại thương của Trung Quốc phát triển rất nhanh, đã hoà vào quỹ đạo của thị trường quốc tế, vì vậy, điều tiết về sản lượng và giá cả đối với dầu mỏ và một bộ phận kim loại phải tính toán đầy đủ tới nhân tố nước ngoài. Giá cả hàng hoá của nước ngoài có thể ảnh hưởng tới thị trường trong nước, đồng thời giá cả trong nước cũng có thể ảnh hưởng tới thị trường quốc tế.

4. Điều chỉnh chính sách ngành

Những năm 90 của thế kỷ XX, Trung Quốc đã tận dụng cơ hội chuyển dịch của trung tâm chế tạo thế giới, tận dụng đầy đủ lợi thế so sánh của bản thân, ra sức phát triển ngành chế tạo tập trung nhiều sức lao động. Nhưng, cùng với sự tăng lên về vốn sau đó, giá thành nguyên vật liệu quốc tế tăng lên, sự thay đổi của môi trường nguồn vốn, sự gia tăng trong cạnh tranh quốc tế và sức

chịu đựng của xã hội trong nước có hạn; đồng thời, do việc xuất khẩu hàng hoá tập trung nhiều sức lao động, giá rẻ của Trung Quốc ở một chừng mực nào đó đã ảnh hưởng tới việc làm của các nước phương Tây, dẫn tới va chạm thương mại không ngừng gia tăng, sức ép từ các nước phương Tây ngày càng lớn, nhân tố bên trong và bên ngoài đều đòi hỏi điều chỉnh cơ cấu ngành vốn có. Nâng cao giá trị phụ gia và sức cạnh tranh chiếm vị trí có lợi trong tiến trình quốc tế hoá trong tương lai.

4.1. Chính sách ngành

(1) Thực hiện chính sách ngành mang tính thiên lệch đối với các ngành đặc biệt, doanh nghiệp đặc biệt và hàng hoá nâng cao sức cạnh tranh quốc gia, có vai trò quan trọng trong việc nâng cấp kết cấu ngành, thông qua đầu tư vốn, lợi tức tài chính, phát hành chứng khoán, chuyển trái phiếu thành cổ phiếu... để nâng đỡ sự phát triển của những ngành doanh nghiệp này; (2) cải tạo các ngành truyền thống mà nhà nước khuyến khích, thực hiện chính sách ngành mang tính khuyến khích đối với các ngành chiến lược, các sản phẩm chiến lược đã trưởng thành, trong khoảng thời gian nhất định, nhà nước khuyến khích những ngành này phát triển thông qua biện pháp giảm miễn thuế; (3) đối với phần lớn các doanh nghiệp, áp dụng chính sách ngành mang tính chức năng, nhà nước tạo ra môi trường chính sách công bằng, minh bạch trên bốn phương diện: chính sách thu thuế đầu tư công bằng, tiêu chuẩn chất lượng kỹ thuật nghiêm ngặt,

pháp quy chống bán phá giá quy phạm và dịch vụ thông tin thị trường nhanh chóng, thực hiện ưu tiên cho những doanh nghiệp có ưu thế, đào thải các doanh nghiệp kém hiệu quả; (4) đối với các sản phẩm ô nhiễm môi trường, trình độ kỹ thuật lạc hậu, khủng hoảng thừa nghiêm trọng, thực hiện chính sách ngành mang tính hạn chế, kiên quyết đào thải; (5) đối với hai ngành có năng lực cạnh tranh quốc tế kém là nông nghiệp và dịch vụ, đặc biệt là một số ngành non trẻ, thực hiện chính sách ngành mang tính bảo hộ vừa không trái với khuôn khổ pháp luật của WTO, vừa phù hợp với bảo vệ an ninh ngành của Trung Quốc, vừa có lợi cho việc đẩy nhanh ngành non trẻ, ngành nông nghiệp và dịch vụ phát triển.

4.2. Chính sách vốn đầu tư nước ngoài

Các ban ngành có liên quan của Quốc vụ viện dựa trên "Quy định chỉ đạo phương hướng đầu tư của thương gia nước ngoài" và tình hình phát triển kinh tế kỹ thuật của quốc gia, lên kế hoạch và sửa đổi vào thời điểm thích hợp "Danh mục chỉ đạo ngành đầu tư của thương gia nước ngoài". Được Quốc vụ viện phê duyệt, ngày 11-3-2002, Ủy ban Kế hoạch nhà nước, Ủy ban Kinh tế thương mại nhà nước, Bộ Kinh tế thương mại đối ngoại đã ban hành "Danh mục chỉ đạo ngành đầu tư của thương gia nước ngoài" mới (từ ngày 1-4-2002 chính thức thực hiện). Đồng thời dỡ bỏ "Danh mục chỉ đạo ngành đầu tư của thương gia nước ngoài" do Ủy ban Kế hoạch nhà

nước, Ủy ban Kinh tế thương mại nhà nước, Bộ Kinh tế thương mại đối ngoại cùng ban hành ngày 31-12-1997. "Danh mục chỉ đạo ngành đầu tư của thương gia nước ngoài" mới phân chia danh mục đầu tư của thương gia nước ngoài thành 4 loại: khuyến khích, cho phép, hạn chế và cấm. Các hạng mục đầu tư nước ngoài được liệt vào loại khuyến khích gồm 5 loại sau đây: (1) hạng mục thuộc kỹ thuật nông nghiệp mới, khai phát tổng hợp nông nghiệp, năng lượng, giao thông và công nghiệp nguyên vật liệu quan trọng; (2) thuộc về kỹ thuật mới, kỹ thuật ứng dụng tiên tiến, có thể cải tiến chức năng của sản phẩm, nâng cao hiệu quả kinh tế kỹ thuật doanh nghiệp hoặc thiết bị, nguyên liệu mới mà năng lực sản xuất trong nước còn thiếu; (3) thích ứng với nhu cầu của thị trường, có thể nâng cao đẳng cấp của sản phẩm, khai thác thị trường mới nổi, hoặc tăng cường năng lực cạnh tranh quốc tế của sản phẩm; (4) thuộc về kỹ thuật, thiết bị mới, năng lượng và nguyên vật liệu có thể tiết kiệm năng lượng, tài nguyên tận dụng tổng hợp, nguồn tài nguyên tái sinh hoặc chống ô nhiễm môi trường; (5) có thể phát huy lợi thế về nhân lực và nguồn tài nguyên của miền Tây, đồng thời phù hợp với chính sách ngành của Trung Quốc. Hạng mục đầu tư của thương gia nước ngoài xuất khẩu toàn bộ sản phẩm, được coi là hạng mục đầu tư nước ngoài loại khuyến khích. Sau khi ban hành "Danh mục chỉ đạo ngành đầu tư của thương gia nước ngoài", đã tăng loại ngành khuyến khích đầu tư của

thương gia nước ngoài từ 186 danh mục lên 262 danh mục, các loại hạn chế giảm từ 112 danh mục xuống còn 75 danh mục, trong tất cả các ngành phân loại theo phương pháp phân loại thống kê của kinh tế quốc dân, chỉ có 21 ngành đòi hỏi phía Trung Quốc không chế cổ phần, chiếm chưa đầy 5,7% trong tổng số 371 danh mục, ngành có vốn đầu tư nước ngoài có thể đầu tư 100% vốn ở Trung Quốc đã chiếm tới 87,6% hệ thống ngành.

5. Nâng cao chất lượng doanh nghiệp

Doanh nghiệp Trung Quốc, dù là doanh nghiệp nhà nước hay doanh nghiệp tư nhân, ở mức độ khác nhau đều dựa vào chính phủ, vẫn chưa thực sự trở thành chủ thể thị trường. Sau khi gia nhập WTO, thực hiện nguyên tắc "đối xử quốc dân" của WTO, doanh nghiệp trong nước buộc phải trải qua giai đoạn phát triển cai sữa-trưởng thành.

5.1. Quy phạm hành vi của doanh nghiệp

Để thích nghi với các nguyên tắc quốc tế sau khi gia nhập WTO, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc tế, doanh nghiệp Trung Quốc chủ yếu cố gắng trên ba phương diện: *một là*, điều chỉnh việc sắp xếp chế độ doanh nghiệp, quy phạm doanh nghiệp dựa trên yếu tố sự sắp xếp chế độ có phù hợp với chuẩn mực quốc tế hay không (chế độ quyền sở hữu, cơ cấu quản lý doanh nghiệp, chế độ quản lý doanh nghiệp, cơ cấu tổ chức doanh nghiệp, chế độ quy ước doanh nghiệp,

chế độ nhân cách hoá doanh nghiệp). Ví dụ, thông qua sửa đổi quy định có liên quan tới luật công ty và chuẩn mực kế toán, làm cho vận hành của công ty niêm yết trên thị trường quy củ hơn, minh bạch hơn. *Thứ hai*, doanh nghiệp điều chỉnh chiến lược kinh doanh, trên cơ sở phát huy lợi thế phân công quốc tế truyền thống (như ngành chế biến, chế tạo), dựa trên xu thế phát triển ngành quốc tế, từng bước chuyển trung tâm sang các ngành có giá trị phụ gia cao như nghiên cứu và phát triển thị trường. *Thứ ba*, doanh nghiệp chú trọng tới chiến lược văn hoá, đây cũng là một trong những ảnh hưởng lớn nhất của việc gia nhập WTO đối với doanh nghiệp. Rất nhiều doanh nghiệp bắt đầu xem xét tình hình toàn bộ nền kinh tế thế giới, toàn bộ chu kỳ phát triển của ngành, và cả con đường tiêu thụ quốc tế đối với sản phẩm của mình với tầm nhìn toàn cầu hoá, quốc tế hoá, họ không chỉ tham gia vào "giao tiếp rộng" và các loại triển lãm quan trọng trên thế giới với thái độ tích cực hơn, tìm mọi cách đưa sản phẩm của mình "đi ra ngoài", cố gắng mở rộng thị trường, mà còn đua nhau thành lập văn phòng đại diện, công ty con... ở nước ngoài, trực tiếp tiến vào thị trường quốc tế.

5.2. Liên minh đối phó với va chạm

Trước đây lợi thế giá thành lao động, đất đai và thuế là mục đích quan trọng trong chuyển dịch ngành chế tạo của các nước phát triển. Sau khi trở thành căn cứ địa ngành chế tạo toàn cầu, vai trò của Trung Quốc ngày càng khó xử: một

mặt, sự va chạm thương mại diễn ra liên tiếp, mặt khác lại là lợi nhuận thấp do sản lượng tăng giá giảm; một mặt xuất khẩu rất lớn lượng hàng hoá phổ biến trên toàn cầu, mặt khác lại bị mang tiếng xấu là “bán phá giá”, còn dẫn đến tiêu hao nguồn tài nguyên và ô nhiễm môi trường. Sau khi gia nhập WTO, càng bị nhiều nước “chống bán phá giá”.

Đứng trước sự va chạm thương mại, doanh nghiệp Trung Quốc lúc đầu không biết làm thế nào, thậm chí không có ai đứng ra hầu kiện, dần dần đã biết vận dụng các quy tắc của WTO, liên kết thành đồng minh để đối phó. Sự thay đổi thực sự trong 5 năm qua bắt nguồn từ sự thay đổi trong quan niệm của doanh nghiệp, trước đây phần lớn doanh nghiệp cho rằng, “kiện tụng” thương mại quốc tế là chuyện của chính phủ, hiện nay hầu hết đã ý thức được doanh nghiệp đứng ở tuyến đầu, chỉ có tích cực ứng phó, nỗ lực trực diện, mới có thể giành được sự sống và phát triển. Đầu năm 2002, khi mới gia nhập WTO được hai tháng, sản phẩm gốm sứ của Trung Quốc liên tiếp gặp phải sự điều tra chống bán phá giá của nhiều nước. Lúc đó, “bán phá giá” còn là một từ lạ lẫm, người Trung Quốc trước nay sợ kiện tụng, hướng hồ là kiện tụng quốc tế, cuối cùng, phần lớn các doanh nghiệp Trung Quốc chọn cách rút lui. Kết quả là, vụ án “chống bán phá giá sứ xây dựng Ấn Độ” bị xử nộp thuế chống bán phá giá cao gấp đôi do không có người hầu kiện, Philippin thực hiện các biện pháp bảo hộ và thuế quan mang

tính xử phạt với gạch men sứ của Trung Quốc trong 3 năm, dựa trên điều tra chống bán phá giá, cũng vì không có người hầu kiện nên bị xử nộp 305% thuế chống bán phá giá, doanh nghiệp Trung Quốc đã nếm nỗi đau của “đòn bị động”. Lúc đó, tỉ lệ hầu kiện mà các doanh nghiệp Trung Quốc đối mặt trong va chạm thương mại chỉ khoảng 40%, hiện nay đã lên tới khoảng 90%, tỉ lệ hầu kiện chống bán phá giá của các nước phát triển, thị trường trọng điểm Âu - Mỹ đạt tới 100%. Từ chỗ chịu bó tay, mù tịt không biết gì, đến sự đối phó tích cực hiện nay, bảo vệ lợi ích bản thân một cách có tổ chức, theo trình tự và tầng thứ theo quy tắc của WTO, doanh nghiệp Trung Quốc ngày càng thành thực hơn trong va chạm thương mại quốc tế.

Phương thức mà doanh nghiệp Trung Quốc áp dụng hiện nay chủ yếu bao gồm: (1) coi trọng quyền sở hữu trí tuệ, nâng cao ý thức nhãn hiệu sản phẩm; (2) coi trọng vai trò trung gian của hiệp hội ngành, thậm chí hợp tác với nước ngoài, từ chỗ đóng cửa tới mở cửa; (3) lợi dụng cơ hội phát triển, đi ra bên ngoài, “cùng nhảy với sói”; (4) hoà nhập với tiêu chuẩn quốc tế, nâng cao chất lượng xuất khẩu ngoại thương; (5) chế độ tiêu chuẩn, doanh nghiệp loại ba sản xuất hàng hoá, doanh nghiệp loại hai sản xuất kỹ thuật, doanh nghiệp loại một sản xuất tiêu chuẩn. Theo tiêu chuẩn quốc tế, vừa là doanh nghiệp phải trải qua cơn đau đớn khi sinh đẻ, vừa là một lần thay đổi to lớn tự tăng cường sức cạnh tranh.